

Thứ hai, ngày 6 tháng 3 năm 2023

Vietnam Daily Review

Sắc xanh trở lại

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/3/2023		●	
Tuần 6/3-10/3/2023		●	
Tháng 03/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Bật tăng ngay từ lúc mở cửa, tuy nhiên khi chạm đến vùng kháng cự 1,040, VN-Index giằng co ở đây cả buổi sáng trước khi bật xuống trở lại. Đà giảm kéo dài xuyên suốt phiên chiều và cuối cùng chỉ số đóng cửa tại mốc 1,027.18 điểm, gần như không thay đổi so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 9/19 ngành tăng điểm, Bất động sản dẫn đầu đà tăng với thông tin tích cực từ Nghị định 08/2023/NĐ-CP. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Trong những phiên tới, thị trường có khả năng tiếp tục giằng co trong vùng 1,030 ± 10 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, chỉ riêng VN30F2306 vận động trái chiều. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 6/3/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index +2.41 điểm, đóng cửa 1027.18 điểm. HNX-Index +1.67 điểm, đóng cửa 206.56 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VHM (+1.26), CTG (+0.66), TCB (+0.35), NVL (+0.34), KDH (+0.28).
- Kéo chỉ số giảm: VJC (-0.67), MSN (-0.57), VNM (-0.52), GAS (-0.38), SAB (-0.32).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 6,167 tỷ đồng, tăng 3.01% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 6,811 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 17.66 điểm. Thị trường có 222 mã tăng, 84 mã tham chiếu, 155 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -100.42 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm NVL (-78.06 tỷ), VND (-29.67 tỷ), VIC (-22.58 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 24.74 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX 1027.18

Giá trị: 6166.98 tỷ 2.41 (0.23%)

Khối ngoại (ròng): -100.42 tỷ

HNX-INDEX 206.56

Giá trị: 740.75 tỷ 1.67 (0.82%)

Khối ngoại (ròng): 24.74 tỷ

UPCOM-INDEX 76.00

Giá trị: 242.9 tỷ 0.2 (0.26%)

Khối ngoại (ròng): 2.19 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	79.1	-0.71%
Giá vàng	1,854	-0.04%
Tỷ giá USD/VND	23,665	-0.25%
Tỷ giá EUR/VND	25,186	-0.10%
Tỷ giá JPY/VND	174	-0.17%
LS liên NH 1 tháng	7.1%	0.28%
LS TPCP 5 năm	3.9%	-0.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	28.62	NVL	-78.06
HDB	25.95	VND	-29.67
VCB	24.72	VIC	-22.58
KDH	17.20	DXG	-20.32
BID	16.78	GEX	-19.60

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Những điểm mới của NĐ08	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Danh mục BSC30	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Những điểm mới của Nghị định 08/2023 gỡ khó cho trái phiếu doanh nghiệp

Chính phủ vừa ban hành **Nghị định số 08/2023/NĐ-CP** ngày 5/3/2023 sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Những điểm mới	Nghị định, quy định cũ	Nghị định 08	Nhận xét
Có thể thanh toán gốc, lãi TP đến hạn bằng tài sản khác	Theo khoản 3 Điều 34 ND153: DN PHTP phải thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn và thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho CSH trái phiếu theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu.	Điều 1: cho phép doanh nghiệp phát hành trái phiếu có thể thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn bằng tài sản khác.	- Tạo cơ sở pháp lý đảm bảo việc thực hiện đàm phán rõ ràng và nhất quán hơn, giảm thiểu rủi ro tranh chấp sau này. - Giúp doanh nghiệp phát hành trái phiếu giảm nguy cơ vỡ nợ (Default).
Cho phép doanh nghiệp được thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu	Điều b khoản 3 Điều 3 ND65 quy định: DN không được thay đổi kỳ hạn của trái phiếu đã phát hành.	Điều 2: cho phép doanh nghiệp được thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu. - Đối với người sở hữu trái phiếu không chấp thuận thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu thì DNPH có trách nhiệm đàm phán để đảm bảo quyền lợi của NĐT. - Trường hợp có người sở hữu trái phiếu không chấp thuận phương án đàm phán thì doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu theo phương án phát hành đã công bố cho NĐT.	- Giúp doanh nghiệp có nhiều lựa chọn để cơ cấu lại TPDN đã phát hành và thỏa thuận với NĐT, giảm nguy cơ vỡ nợ (Default).
Doanh nghiệp được kéo dài kỳ hạn trái phiếu tối đa không quá 2 năm		Điều 2: cho phép doanh nghiệp được kéo dài kỳ hạn trái phiếu tối đa không quá 2 năm.	- Giảm áp lực trả nợ lượng trái phiếu đáo hạn với điểm rơi cao trong năm 2023 và năm 2024.
Ngưng hiệu lực nhiều quy định về trái phiếu	ND08 nêu rõ, ngưng hiệu lực thi hành đối với các quy định sau đây tại ND65 đến hết ngày 31/12/2023: 1. Quy định về việc xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân tại khoản 6 Điều 1 ND65. 2. Quy định về thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt phát hành tại khoản 7, khoản 8 Điều 1 ND65. 3. Quy định về kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu tại khoản 9 Điều 1 ND65.		- Có thêm thời gian cho các bên liên quan liên quan như NĐT, DN phát hành và tổ chức xếp hạng tín nhiệm chuẩn bị nguồn lực, quy trình. - Tạo điều kiện cho DNPH có nhiều thời gian hơn để phân phối trái phiếu từ đó có thể huy động được nhiều vốn hơn thông qua kênh phát hành trái phiếu.

Danh mục viết tắt:

DN	Doanh nghiệp
DNPH	Doanh nghiệp phát hành
PHTP	Phát hành trái phiếu
TPDN	Trái phiếu doanh nghiệp
ND153	Nghị định 153/2020/NĐ-CP
ND65	Nghị định 65/2022/NĐ-CP
ND08	Nghị định 08/2023/NĐ-CP

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
3/2/2023	DDV	8.6	10	8	8.5	4	-1.16%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/15/2022	TLG	51.1	60	45.5	50.9	81	-0.39%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

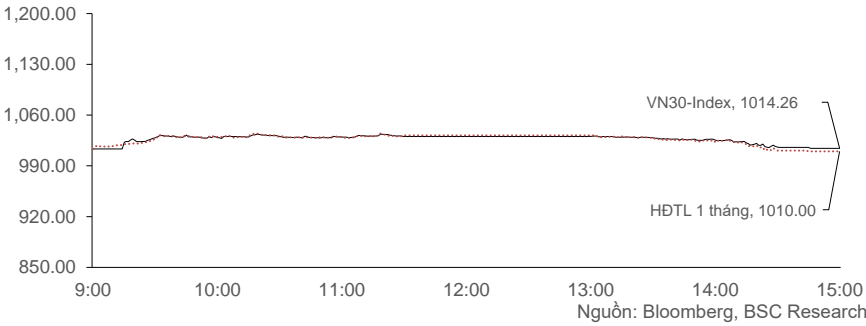
Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
31/1/23	DGC	60.3	70	56.6	SL	8	-6.14%
19/12/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
16/12/22	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
18/8/22	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
19/5/22	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	2	0.00%	-0.78%	-0.78%	43
Cổ phiếu đã chốt	250	231	7.06%	-7.47%	3.99%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2309	1004.00	0.10%	-10.26	72.2%	124	9/21/2023	201
VN30F2304	1005.00	0.02%	-9.26	79.2%	2,238	4/20/2023	47
VN30F2303	1010.00	0.48%	-4.26	3.3%	374,052	3/16/2023	12
VN30F2306	1004.80	-0.02%	-9.46	79.4%	183	6/15/2023	103

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 0.91 điểm lên 1014.26 điểm, biên độ dao động 20.3 điểm. Các cổ phiếu như VHM, TCB, NVL, VPB, và CTG đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 tăng từ khi mở cửa và đi lên trong phiên sáng sau đó chỉ số chững lại ở mức 1030 và mất đà tăng. Cuối cùng, VN30 kết phiên tăng nhẹ 0.09% so với phiên trước. Thanh khoản nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị NĐT giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HDTL tăng theo nhịp vận động của VN30, chỉ riêng VN30F2306 vận động trái chiều. Xét về khối lượng, tất cả các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2306 giảm, các hợp đồng còn lại đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE2215	3/31/2023	25	2:1	809,300	45.33%	2,600	80	33.33%	107	0.75	31,180	30,000	26,150
CVHM2220	11/1/2023	240	5:1	242,700	35.94%	3,000	670	21.82%	238	2.81	62,450	58,000	42,100
CVHM2219	9/5/2023	183	5:1	200,600	35.94%	2,800	500	16.28%	189	2.65	59,750	56,000	42,100
CVHM2218	6/6/2023	92	6:1	575,400	35.94%	1,650	240	14.29%	60	3.99	56,460	54,000	42,100
CVRE2216	8/31/2023	178	4:1	144,300	45.33%	1,650	440	10.00%	463	0.95	33,880	31,000	26,150
CVPB2214	9/5/2023	183	4:1	121,100	38.82%	1,100	760	1.33%	523	1.45	20,880	17,000	17,100
CHPG2225	6/6/2023	92	3:1	342,800	51.00%	1,550	1,370	0.00%	1,398	0.98	21,440	17,000	20,400
CMWG2215	11/1/2023	240	10:1	331,100	46.35%	1,300	660	0.00%	430	1.53	54,800	45,000	39,400
CACB2207	3/31/2023	25	4:1	549,800	35.82%	1,100	190	0.00%	119	1.60	26,660	25,500	24,300
CVHM2216	8/31/2023	178	8:1	427,000	35.94%	1,900	150	0.00%	52	2.90	63,760	62,000	42,100
CHPG2227	11/1/2023	240	2:1	83,900	51.00%	2,400	2,070	-1.43%	1,785	1.16	25,020	-	20,400
CSTB2225	11/1/2023	240	2:1	63,100	51.10%	2,900	3,630	-2.42%	3,355	1.08	28,280	20,500	24,900
CSTB2224	9/5/2023	183	2:1	22,800	51.10%	2,700	3,500	-3.58%	3,269	1.07	27,200	20,000	24,900
CFPT2210	8/31/2023	178	10:1	273,500	26.42%	2,350	490	-3.92%	243	2.02	96,700	90,000	78,200
CFPT2212	6/6/2023	92	10:1	336,800	26.42%	1,870	1,100	-5.98%	992	1.11	84,400	70,000	78,200
CVNM2207	3/28/2023	22	15.2:1	115,300	26.16%	1,100	570	-8.06%	512	1.11	77,952	67,462	75,000
CSTB2215	3/28/2023	22	5:1	618,900	51.10%	1,100	630	-13.70%	596	1.06	26,372	22,222	24,900
CMWG2213	6/6/2023	92	6:1	490,600	46.35%	2,760	160	-15.79%	77	2.09	56,520	54,000	39,400
CSTB2218	3/31/2023	25	2:1	862,400	51.10%	2,100	90	-18.18%	193	0.47	28,600	28,000	24,900
CHDB2208	3/8/2023	2	3.99:1	1,267,300	32.82%	1,100	110	-21.43%	43	2.56	20,548	19,189	18,000
Tổng				7,878,700	41.00%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 6/3/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2225 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 12.01%. Giá trị giao dịch giảm -47.07%. CHPG2225 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.01%.
- CSTB2215, CVNM2207, CTPB2204, và CVRE2211 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHDB2208, CVNM2207, CSTB2215, và CMSN2212 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2224, CSTB2225, CVNM2211, và CSTB2222 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	42.10	2.81	1.26	3.00MLN
CTG	28.35	1.98	0.66	3.19MLN
TCB	27.20	1.49	0.35	2.57MLN
NVL	11.05	6.76	0.34	13.57MLN
KDH	25.90	6.37	0.28	2.05MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VJC	96.30	-4.84	-1	324600.00
MSN	74.40	-2.11	-1	850800
VNM	75.00	-1.32	-1	891800
GAS	103.70	-0.77	0	91900
SAB	185.00	-1.07	0	76300

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMV	9.95	6.99	0.00	4400.00
CRE	6.74	6.98	0.05	359800
HQC	3.38	6.96	0.03	4.00MLN
ABT	37.00	6.94	0.01	2100
DXG	10.80	6.93	0.11	15.63MLN

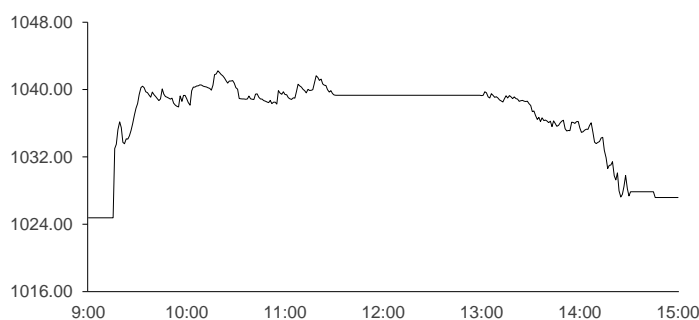
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VJC	96.30	-4.84	-0.67	324600
MSN	74.40	-2.11	-0.57	850800
VNM	75.00	-1.32	-0.52	891800.00
GAS	103.70	-0.77	-0.38	91900
SAB	185.00	-1.07	-0.32	76300

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSF	43.80	4.53	0.47	29100.00
CEO	20.60	6.74	0.41	7.36MLN
SHS	8.30	2.47	0.25	8.95MLN
THD	39.20	1.03	0.23	5100.00
NVB	16.50	1.23	0.17	16000

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAB	14.80	-1.33	-0.24	5900
DP3	100.10	-9.90	-0.07	3000
HUT	15.40	-0.65	-0.05	1.73MLN
OCH	7.10	-4.05	-0.04	17200
EVS	8.80	-2.22	-0.03	40700

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

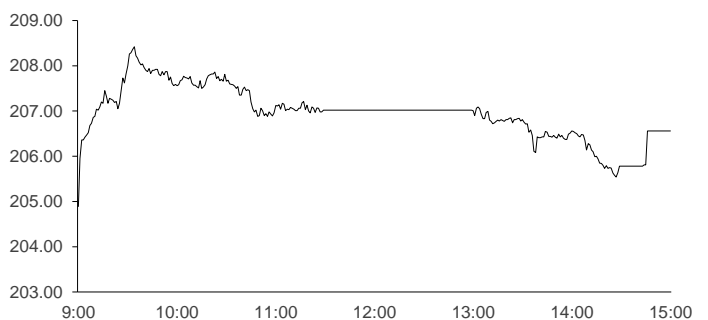
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SEB	45.10	10.0	0.03	12200
TKU	13.20	10.0	0.00	100
UNI	9.90	10.0	0.01	3700
PRC	58.70	9.9	0.01	29600
MED	27.50	9.6	0.02	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SGH	27.90	-10.00	-0.01	400
VNT	67.50	-10.00	-0.02	100
DP3	100.10	-9.90	-0.07	3000
SGC	77.40	-9.90	-0.02	100
GDW	21.50	-9.66	-0.01	100

Hình 2

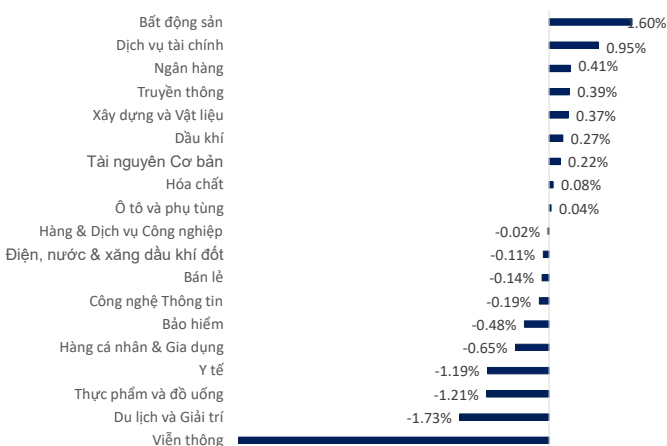
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

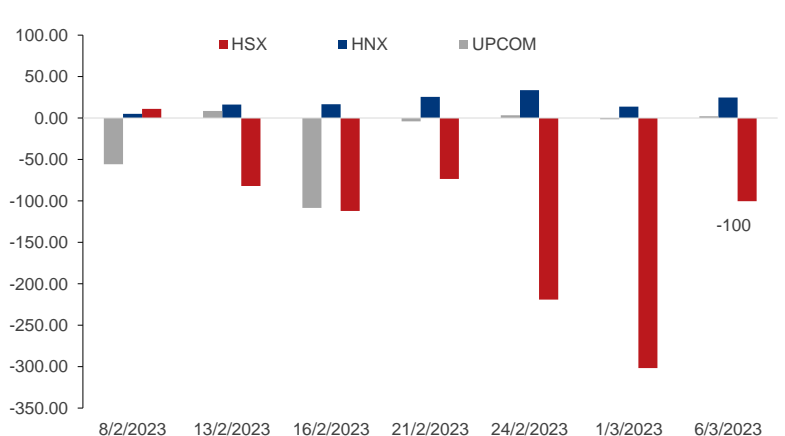
Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Hình 4

Giao dịch khối ngoại

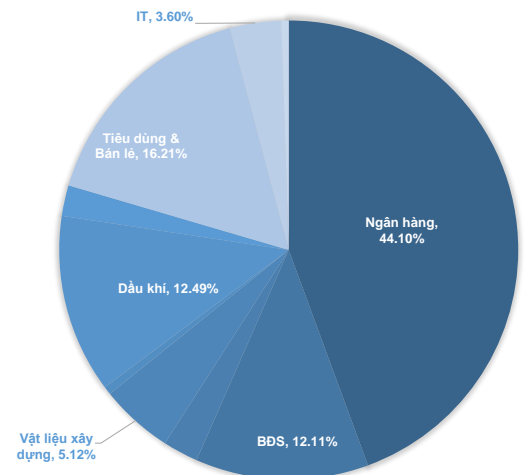


Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
VCB	Ngân hàng	91.0	0.1%	0.8	18,724	2.8	6,316	14.4	3.1	23.6%	24.2%
CTG	Ngân hàng	28.4	2.0%	1.2	5,924	4.0	3,518	8.1	1.3	28.0%	16.9%
VPB	Ngân hàng	17.1	0.6%	1.2	4,991	9.9	2,722	6.3	1.2	17.6%	20.7%
TCB	Ngân hàng	27.2	1.5%	1.4	4,160	3.0	5,737	4.7	0.9	22.5%	19.7%
ACB	Ngân hàng	24.3	-0.8%	1.1	3,568	5.6	4,053	6.0	1.4	30.0%	26.5%
MBB	Ngân hàng	17.3	0.9%	1.1	3,410	5.2	3,856	4.5	1.0	23.2%	25.8%
STB	Ngân hàng	24.9	-0.4%	1.4	2,041	20.3	2,674	9.3	1.2	29.0%	13.8%
SSI	Chứng khoán	18.8	1.6%	1.7	1,222	8.5	1,456	12.9	1.3		9.3%
GVR	BDS KCN	14.2	0.7%	1.8	2,470	0.6	955	14.9	1.2	0.5%	7.9%
HPG	Vật liệu xây dựng	20.4	0.2%	1.0	5,157	10.2	1,459	14.0	1.2	23.5%	9.1%
HSG	Vật liệu xây dựng	15.4	0.3%	2.1	399	7.6	(1,776)		0.9	9.6%	-10.0%
VHM	BDS	42.1	2.8%	0.9	7,970	5.5	6,575	6.4	1.3	24.0%	21.3%
VRE	BDS	26.2	0.6%	0.4	2,584	3.2	1,222	21.4	1.8	32.5%	8.7%
NLG	BDS	25.6	2.4%	1.5	427	1.7	1,274	20.1	1.1	45.6%	5.8%
DPM	Phân bón	34.3	-1.2%	1.5	584	1.7	14,039	2.4	1.0	18.5%	45.8%
GAS	Dầu khí	103.7	-0.8%	0.7	8,629	0.4	7,647	13.6	3.3	3.0%	26.7%
PLX	Dầu khí	38.9	0.3%	0.8	2,149	1.0	1,156	33.6	2.0	18.0%	6.0%
BSR	Dầu khí	16.3	0.6%	1.6	2,197	2.8	2,108	7.7	1.3	41.1%	19.1%
PVS	Dầu khí	26.6	0.8%	1.3	553	4.9	1,501	17.7	1.1	20.1%	6.0%
PVT	Dầu khí	20.8	1.5%	1.3	293	2.1	2,587	8.0	1.1	18.5%	14.9%
POW	Tiện ích	12.5	0.8%	1.2	1,268	3.3	809	15.4	1.0	6.1%	6.4%
REE	Tiện ích	67.0	-0.1%	0.8	1,035	0.4	7,563	8.9	1.5	49.0%	18.7%
VNM	Tiêu dùng	75.0	-1.3%	0.4	6,815	2.9	3,632	20.6	5.3	55.8%	24.1%
MSN	Tiêu dùng	74.4	-2.1%	1.2	4,605	2.8	2,515	29.6	4.1	30.6%	12.1%
MWG	Bán lẻ	39.4	0.0%	1.3	2,507	2.6	2,830	13.9	2.4	49.0%	18.5%
PNJ	Bán lẻ	78.5	-1.1%	0.8	1,119	0.5	6,073	12.9	3.0	49.0%	24.7%
FRT	Bán lẻ	69.9	0.6%	1.3	360	1.2	3,295	21.2	4.1	28.6%	21.3%
VHC	Thủy sản	56.4	-0.9%	1.2	450	0.8	10,842	5.2	1.4	30.3%	29.7%
GMD	Logistics	49.0	-0.3%	0.7	641	0.8	3,037	16.1	2.1	48.9%	13.8%
FPT	Công nghệ	78.2	-0.4%	0.8	3,730	2.8	4,838	16.2	4.1	49.0%	24.8%

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
11	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
15	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
16	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
17	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
19	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
21	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
22	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
24	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
25	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
26	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
27	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
28	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
29	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
30	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
33	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
34	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
36	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
39	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
40	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
42	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
44	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

